

Số: /QĐ-TTTV-QLG

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi một số điều có liên quan đến nhiệm vụ và tổ chức thanh tra tại các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam tại văn bản ngày 06/01/2026 về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Giống cây trồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành giống lúa thuần VNR98:

Mã số lưu hành: CNLH.2026.02;

Tổ chức đăng ký lưu hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam;

Phạm vi lưu hành: Vụ Xuân, vụ Mùa tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng Bắc Trung Bộ; Vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu tại các tỉnh Tây Nguyên;

Thời gian lưu hành: 20 năm kể từ ngày ký Quyết định;

Thông tin về giống được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Trung tâm KKN Giống, SPCT QG;
- VP Cục (để đăng tải lên Website Cục);
- BPMC (trả kết quả cho đơn vị);
- Lưu: VT, QLG.(PVT)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA THUẦN VNR98
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTTV-QLG ngày tháng 01 năm 2026
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Tên tổ chức đăng ký công nhận lưu hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.

Địa chỉ: Số 01 Lương Đình Cửa, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.8523294 Fax: 043.8527996.

Email: nsc@vinaseed.com.vn.

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa thuần VNR98

2. Thông tin về giống lúa thuần VNR98:

2.1. Đặc tính giống cây trồng:

2.1.1. Đặc tính của giống lúa thuần VNR98 qua kết quả khảo nghiệm diện hẹp, khảo nghiệm diện rộng:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
1. Sức sống của mạ	1-5	Khỏe - Trung bình
2. Độ dài giai đoạn trỗ	1-5	Tập trung - Trung bình
3. Độ thuần đồng ruộng	1-5	Cao - Trung bình
4. Độ thoát cỏ bông	1	Thoát hoàn toàn
5. Độ cứng cây	1	Cứng
6. Độ tàn lá	1-5	Muộn - Trung bình
7. Độ rụng hạt	1	Khó rụng
8. Thời gian sinh trưởng	Ngày	- Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Vụ Xuân: 132-135; Vụ Mùa: 108-111. - Vùng Đồng bằng sông Hồng: Vụ Xuân: 132-133; Vụ Mùa: 109-123. - Vùng Bắc Trung Bộ: Vụ Xuân: 130-133; Vụ Mùa: 92-106. - Vùng Tây Nguyên: Vụ Đông Xuân: 115-125; Vụ Hè Thu: 102-112.
9. Chiều cao cây	cm	90,3-122,6
10. Số bông hữu hiệu	Bông/khóm	5,3-9,4
11. Số hạt chắc trên bông	hạt/bông	124-163
12. Tỷ lệ lép	%	6,6-20,6
13. Khối lượng 1000 hạt	Gam	23,3-25,5
14. Năng suất hạt	tạ/ha	- Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Vụ Xuân: 60,2-66,5; Vụ Mùa: 48,8-59,5.

		- Vùng Đồng bằng sông Hồng: Vụ Xuân: 59,8-81,0; Vụ Mùa: 43,8-60,5. - Vùng Bắc Trung Bộ: Vụ Xuân: 71,2-73,7; Vụ Mùa: 51,8-62,6. - Vùng Tây Nguyên: Vụ Đông Xuân: 80,25-86,94; Vụ Hè Thu: 63,04-73,26.
15. Chất lượng thóc gạo:		
15.1. Chất lượng xay xát		
Tỷ lệ gạo lật	%	72,5-78,7
Tỷ lệ gạo xát	%	61,1-70,35
Tỷ lệ gạo nguyên	%	35,88-77,4
Dài hạt gạo	mm	6,75-7,07
Tỷ lệ D/R		2,86-3,41
15.2. Chất lượng gạo		
Độ trắng bạc		Hơi bạc - Rất bạc
Hàm lượng amylose	%CK	11,16-14,01
Độ bền gel		Mềm
Nhiệt độ hóa hồ		Trung bình - Cao
16. Chất lượng cơm:		
Mùi thơm	2,4-3,0	Có mùi cơm, hương thơm kém đặc trưng - Có mùi thơm nhẹ, khá đặc trưng
Độ mềm	3,6-5,0	Mềm - Rất mềm
Vị ngon	3,3-4,0	Khá ngon - Ngon
Màu sắc cơm	3,4-5,0	Trắng hơi xám - Trắng

b) Đặc tính của giống qua kết quả khảo nghiệm kiểm soát:

- Bệnh đạo ôn: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) đối với nguồn nấm bệnh đạo ôn đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Bệnh bạc lá: Nhiễm (cấp bệnh 7/9) với nguồn bệnh bạc lá đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Rầy nâu: Nhiễm vừa (cấp hại 5/9) đối với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ. Nhiễm (cấp hại 7/9) đối với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên.

2.2. Vật liệu nhân giống: Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2.3. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng.

a) Hướng dẫn bảo quản:

Hạt giống trước khi đưa vào bảo quản phải sạch tạp chất, phơi sấy khô đạt độ ẩm 12-13%. Hạt giống được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, không để

chung hạt giống với lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc và vật tư nông nghiệp khác...; đề phòng chuột cắn thủng, rách bao bì làm hỏng hạt giống. Kiểm tra định kỳ hàng tháng về tỷ lệ nảy mầm, sâu mọt,..

b) Hướng dẫn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng: Theo ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì.

- Thời vụ gieo trồng:

+ Vụ Xuân, vụ Mùa tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ;

+ Vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu tại các tỉnh Tây Nguyên.

- Vùng sản xuất: Các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

3. Thông tin cảnh báo an toàn:

- Tham khảo đặc tính giống trên tài liệu để chăm sóc và quản lý dịch hại hiệu quả.

- Phòng trừ kịp thời các loại sâu bệnh hại chính theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn tại địa phương.

- Bón phân cân đối, bón theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy trình kỹ thuật canh tác của giống lúa./.